

Mẫu số I.29

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022 /TT-BGTVT
ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:



**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN CỠ NHỎ**

Tên tàu: Số ĐKHC:

Số đăng kiểm: Nơi đăng kiểm:

Chủ tàu:

Địa chỉ:

Năm đóng/hoán cải:

Kích thước cơ bản: L x B x D x d

m

$L_{\max} \times B_{\max}$ m; Tổng dung tích:

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu biển cỡ nhỏ với vùng hoạt động và các đặc tính khác như sau:

Vùng

hoạt

động:

Các đặc tính khác:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

THÂN TÀU VÀ THIẾT BỊ			
Vật liệu thân tàu:		Vật liệu thượng tầng/lầu:.....	
Chiều dày vỏ tàu:			
Đáy:	mm	Mạn:	mm
Số vách kín nước:			
Khối lượng neo:			
Neo số 1:	(kg)	Neo số 2:	(kg)
Chiều dài cáp neo:			
Cáp neo số 1:	(m)	Cáp neo số 2:	(m)
Lái chính kiểu:			
Lái sự cố kiểu:			
Thiết bị chằng buộc:			
Dây buộc:	Loại:	Số lượng:	
HỆ ĐỘNG LỰC CHÍNH			
Số lượng, kiểu máy:			
Năm và nơi sản xuất:			
Tổng công suất:		(kW)	
Vòng quay:		(vòng/phút)	
Hộp số kiểu:			
Tổng diện tích buồng:			
MÁY PHỤ			
Số lượng, loại máy:			
Năm và nơi sản xuất:			
Tổng công suất:		(kW)	Vòng quay: (vòng/phút)
TRỤC CHÂN VỊT VÀ CHÂN VỊT			
Đường kính trục:		mm	Số lượng và vật liệu:
Đường kính chân vịt:		mm	Số lượng và vật liệu:
Số cánh chân vịt:			
BÌNH KHÔNG KHÍ NÉN			
Số lượng và dung tích bình:			
Năm và nơi sản xuất:			
Áp suất làm việc:		(kg/cm ²)	
THIẾT BỊ ĐIỆN			

Số lượng máy phát:	Tổng công suất:		
(kVA/kW)			
Số lượng và tổng dung lượng ắc quy:	(Ah)		
TRANG BỊ CHỮA CHÁY			
Bơm chữa cháy:			
Số lượng:	Lưu lượng: m ³ /h		
Bình chữa cháy xách tay (số lượng x loại):			
☐ Vòi rồng	☐ Xô múc nước		
☐ Các thiết bị khác:	☐ Chăn		
TRANG BỊ CỨU SINH			
Phao bè:			
Số lượng và sức chở:	người		
Dụng cụ nổi:			
Số lượng và sức chở:	người		
Phao tròn:	chiếc	Phao áo:	chiếc
Pháo dù:	chiếc	Đuốc cầm tay:	chiếc
Tín hiệu khói:	chiếc	EPIRB:	chiếc
SART:	chiếc		
TÍN HIỆU VÀ VẬT HIỆU			
Còi hơi:		Còi điện:	
Đèn hành hải:	☐ Trắng	☐	Xanh
	☐ Đỏ		
	☐ Đèn pha	☐	Đèn lai
	☐ Đèn neo		dắt
Vật hiệu:	☐ Hình cầu	☐	Hình
	☐ Hình thoi		nón
THIẾT BỊ HÀNG HẢI			
☐ La bàn từ	☐ La bàn dùng điện	☐ Ấn phẩm hàng hải	
☐ Đèn tín hiệu ban ngày	☐ Phản xạ ra đa	☐ Máy đo gió	
☐ Máy đo độ nghiêng	☐ Đèn pha	☐ Dụng cụ cắt dây	
☐ Dụng cụ đo sâu			
☐ Các thiết bị khác:			
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
☐ Inmarsat (hoặc thiết bị MF/HF với DSC)	☐ NAVTEX		
☐ MF SSB với DSC	☐ VHF cố định		

☐ VHF cầm tay

